

Khung Tài Chính Chuyển Đổi BIDV 2026



Tháng 06 năm 2026



MỤC LỤC

1. Giới thiệu	5
2. Định nghĩa và nguyên tắc	7
2.1. Định nghĩa Tài chính chuyển đổi	7
2.2. Các Nguyên tắc cốt lõi	8
3. Quy trình Quyết định	9
4. Mục đích sử dụng vốn	10

5. Quản trị	16
5.1. Hệ thống Quản trị tại BIDV	16
5.2. Quy trình Đánh giá và Lựa chọn	17
5.2.1. Quy trình thẩm định và dán nhãn Dự án/Tài sản hợp lệ	17
5.2.2. Quản lý danh mục Dự án/Tài sản hợp lệ	18
5.3. Quản lý nguồn vốn trái phiếu	19
5.4. Báo cáo và Công bố thông tin	20
5.4.1. Các báo cáo và tần suất công bố	20
5.4.2. Chỉ số đo lường tác động	21
6. Đánh giá độc lập	22
7. Cập nhật và duy trì Khung Tài chính chuyển đổi	22



1. Giới thiệu

Với bề dày lịch sử gần 70 năm hình thành và phát triển, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) hiện là định chế tài chính có tổng tài sản lớn nhất Việt Nam, đồng thời, giữ vai trò trọng yếu trong việc điều phối nguồn lực tài chính quốc gia. Nhận thức rõ vai trò này, BIDV xác định ứng phó với biến đổi khí hậu và thúc đẩy tài chính bền vững là một trong những định hướng trọng tâm trong Chiến lược phát triển bền vững của Ngân hàng. Ngân hàng cam kết đồng hành cùng Chính phủ Việt Nam trong việc hiện thực hóa mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 (Net Zero 2050) và tích cực đóng góp vào mục tiêu của Thỏa thuận Paris về việc giữ mức tăng nhiệt độ trung bình toàn cầu ở mức thấp hơn đáng kể so với ngưỡng 2°C, đồng thời nỗ lực thực hiện các biện pháp nhằm giới hạn mức tăng nhiệt độ ở ngưỡng 1,5°C.

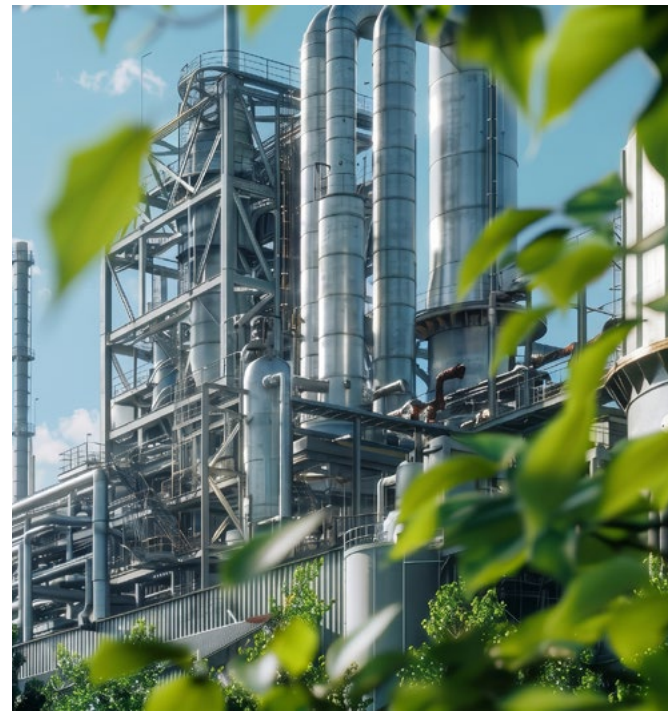
BIDV nhận thấy rằng việc đạt được một nền kinh tế carbon thấp đòi hỏi sự chuyển dịch toàn diện, không chỉ giới hạn ở các lĩnh vực “Xanh” truyền thống mà còn bao gồm cả các ngành khó giảm phát thải có lộ trình chuyển đổi khả thi. Tại Việt Nam, sản lượng kinh tế và lượng phát thải quốc gia tập trung vào các lĩnh vực này, bao gồm sản xuất điện, thép, xi măng, hóa chất và sản xuất hướng tới xuất khẩu. Các ngành công nghiệp này không thể đạt được trạng thái phát thải thấp chỉ qua một khoản đầu tư duy nhất, chúng đòi hỏi nguồn vốn duy trì để loại bỏ các tài sản lạc hậu, ứng dụng công nghệ tốt nhất hiện có và từng bước giảm dần cường độ phát thải theo một lộ trình Net Zero đáng tin cậy. Về bản chất, tài chính xanh hướng tới các hoạt động đã đạt được hiệu quả phát thải thấp, do đó không mở rộng tới các lĩnh vực này. Nếu thiếu đi nguồn tài chính chuyển đổi chuyên biệt, các ngành này đối mặt với rủi ro chậm trễ trong quá trình khử carbon hoặc duy trì các tài sản phát thải cao trong dài hạn. Thực trạng này ảnh hưởng tới cam kết Net Zero 2050 của Việt Nam, làm suy giảm năng lực cạnh tranh bền vững của doanh nghiệp tại các thị trường xuất khẩu, nơi carbon ngày càng bị áp cơ chế định giá tại biên giới.

Trên cơ sở đó, BIDV đã xây dựng Khung Tài chính Chuyển đổi (Khung TCCĐ) nhằm cung cấp một phương pháp luận minh bạch dựa trên cơ sở khoa học để xác định, thẩm định và dán nhãn các hoạt động tài trợ thúc đẩy lộ trình giảm phát thải thực chất. Khung được thiết kế để định hướng nguồn vốn vào các hoạt động giảm phát thải có thể đo lường được trong nền kinh tế, đồng thời ngăn ngừa rủi ro tẩy xanh và khóa chặt carbon. Mỗi hoạt động được tài trợ phải đáp ứng các tiêu chí hợp lệ xác định, chứng minh được sự phù hợp với một lộ trình đáng tin cậy và tuân thủ các ngưỡng hiệu suất kỹ thuật có thời hạn và thắt chặt dần theo thời gian. Bằng cách này, Khung TCCĐ tạo điều kiện cho khách hàng huy động các nguồn lực tài chính để thực hiện nâng cấp công nghệ, tối ưu hóa quy trình sản xuất và đóng góp vào việc giảm thiểu cả lượng phát thải khí nhà kính tuyệt đối lẫn cường độ phát thải, đặc biệt là trong các lĩnh vực có mức độ phát thải cao. Đồng thời, Khung cũng mang lại sự tin tưởng cho các nhà đầu tư, cơ quan quản lý và các đối tác rằng bất kỳ khoản tài trợ nào được BIDV định danh là “chuyển đổi” đều phản ánh những kết quả khí hậu thực chất thay vì chỉ dừng lại ở các tham vọng đơn thuần.

Khung TCCĐ được thiết kế áp dụng cho các sản phẩm tài chính chuyển đổi của BIDV, bao gồm nhưng không giới hạn:

- 🌱 Khoản vay chuyển đổi (Transition Loans);
- 🌱 Trái phiếu chuyển đổi (Transition Bonds).

BIDV áp dụng phương thức tiếp cận dựa trên mục đích sử dụng vốn cho cấp độ dự án và tài sản cụ thể. Theo đó, nguồn vốn tài trợ sẽ được phân bổ trực tiếp vào những dự án và tài sản đã qua thẩm định kỹ thuật, đảm bảo đáp ứng các ngưỡng giảm phát thải được định lượng cụ thể, ngăn ngừa rủi ro khóa chặt carbon và tuân thủ nguyên tắc “Không gây hại đáng kể” đối với các mục tiêu môi trường và xã hội khác, ngoài các mục tiêu giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu.



Khung TCCĐ được phát triển trên cơ sở tham chiếu các chuẩn mực và thông lệ quốc tế, bao gồm:

- 🌱 Các hướng dẫn, nguyên tắc quốc tế mới nhất của Hiệp hội thị trường vốn quốc tế (ICMA) và Hiệp hội thị trường vay (LMA), bao gồm: Hướng dẫn về Khoản vay chuyển đổi (Guide to Transition Loans - Tháng 11/2025); Hướng dẫn phát hành Trái phiếu chuyển đổi khí hậu của ICMA (CTBG - Tháng 11/2025); Cẩm nang tài chính chuyển đổi khí hậu của ICMA (CTFH – tháng 6/2023);
- 🌱 Hệ thống phân loại tài chính bền vững của khu vực như ASEAN Taxonomy (Version 4 - tháng 11/2025) và Singapore-Asia Taxonomy;
- 🌱 Các lộ trình khử carbon theo ngành do Sáng kiến Lộ trình Chuyển đổi (Transition Pathway Initiative - TPI) công bố, được sử dụng làm tiêu chuẩn định lượng để đánh giá mức độ can thiệp về hiệu quả phát thải carbon.

Thông qua việc ban hành Khung TCCĐ, BIDV tiếp tục khẳng định cam kết về tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và vai trò tiên phong trong việc thúc đẩy các hoạt động tài chính bền vững tại Việt Nam. Đồng thời, Khung được kỳ vọng sẽ hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực thích ứng với các tiêu chuẩn quốc tế, qua đó, góp phần thúc đẩy tiến trình chuyển đổi công bằng và bền vững của nền kinh tế.



2. Định nghĩa và nguyên tắc

Khung TCCĐ được xây dựng dựa trên sự kết hợp giữa cách tiếp cận Top-down (bao gồm tầm nhìn chiến lược, nguyên tắc cốt lõi, khung ra quyết định) và cách tiếp cận Bottom-up (thông qua hệ thống tiêu chí, ngưỡng kỹ thuật định lượng), đảm bảo mọi dòng vốn chuyển đổi đều hướng tới mục tiêu Net Zero một cách minh bạch, có thể đo lường, kiểm chứng và dựa trên cơ sở khoa học.



2.1. Định nghĩa Tài chính chuyển đổi

Tại BIDV, “Tài chính chuyển đổi” được định nghĩa là các giao dịch tài chính (bao gồm khoản vay và trái phiếu) nhằm tài trợ cho các dự án, tài sản hoặc hoạt động thúc đẩy lộ trình khử carbon thực chất trong các ngành phát thải cao và khó giảm phát thải. Nguồn vốn này hướng tới những khách hàng có hoạt động hiện chưa thể đáp ứng các tiêu chí phát thải thấp nhưng có tiềm năng giảm thiểu phát thải theo thời gian, đặc biệt là trong các lĩnh vực khó giảm phát thải, từ đó tạo điều kiện cho họ căn chỉnh hoạt động theo các kịch bản dựa trên cơ sở khoa học và mục tiêu Net Zero của Thỏa thuận Paris.

Khác với Tài chính xanh (tập trung vào các dự án đã đạt ngưỡng phát thải thấp), Tài chính chuyển đổi chú trọng vào việc thúc đẩy giảm thiểu phát thải khí nhà kính có thể đo lường được, trên cả phương diện giá trị tuyệt đối và cường độ phát thải, thông qua việc ứng dụng các giải pháp công nghệ carbon thấp hoặc các hoạt động hỗ trợ thiết yếu giúp thúc đẩy quá trình khử carbon xuyên suốt chuỗi giá trị.

BIDV xác định Tài chính chuyển đổi là một tiến trình có thời hạn. Theo đó các dự án được tài trợ phải tuân thủ lộ trình thắt chặt dần các ngưỡng kỹ thuật theo thời gian và chịu sự chi phối của cơ chế Ngày hết hạn. Hoạt động tài trợ còn đi kèm với các điều kiện tiên quyết về việc ngăn ngừa rủi ro khóa chặt carbon và tuân thủ nguyên tắc ‘Không gây hại đáng kể’ đối với các mục tiêu môi trường và xã hội khác. Nếu dự án không duy trì được hiệu quả giảm phát thải đã cam kết hoặc không đạt được các mốc chuyển đổi theo lộ trình hoặc không kịp thích ứng với các tiêu chuẩn mới, nhãn Tài chính chuyển đổi sẽ bị thu hồi để đảm bảo tính toàn vẹn của danh mục.

2.2. Các Nguyên tắc cốt lõi

BIDV cam kết áp dụng ba nguyên tắc nền tảng sau đây làm tiêu chí bắt buộc để thẩm định và phê duyệt các giao dịch dán nhãn TCCĐ.

NGUYÊN TẮC 01

Căn chỉnh dựa trên cơ sở khoa học (Aligned with science-based pathways): Mọi hoạt động được tài trợ phải dựa trên các kịch bản giảm phát thải được công nhận (như kịch bản Phát thải ròng bằng không vào năm 2050 của IEA - IEA NZE 2050¹) và đảm bảo tính nhất quán với mục tiêu của Thỏa thuận Paris về việc giữ mức tăng nhiệt độ trung bình toàn cầu ở mức thấp hơn đáng kể so với ngưỡng 2°C, đồng thời nỗ lực thực hiện các biện pháp nhằm giới hạn ở ngưỡng 1,5°C. Tính hợp lệ của hoạt động được đánh giá dựa trên các phân loại “Amber²” (chuyển đổi) của ASEAN Taxonomy; đồng thời, hiệu quả carbon của các tài sản được tài trợ sẽ được đánh giá so với lộ trình ngành tương ứng của Sáng kiến Lộ trình Chuyển đổi (TPI³). Tính hợp lệ còn được xác định cụ thể căn cứ vào Danh mục các hoạt động chuyển đổi đủ điều kiện được quy định trong Khung này.

NGUYÊN TẮC 02

Ngăn ngừa rủi ro “khóa chặt” carbon (Avoiding Carbon Lock-in): Mọi hoạt động được tài trợ không gây phụ thuộc lâu dài vào nguồn phát thải cao hoặc ngăn cản việc triển khai các giải pháp chuyển đổi dài hạn trong tương lai. BIDV ưu tiên tài trợ cho các dự án ứng dụng công nghệ tốt nhất hiện có (Best Available Technology - BAT) để đảm bảo hiệu quả giảm phát thải tối đa tại thời điểm đầu tư. Nguyên tắc này được quản lý thông qua cơ chế Ngày hết hạn cho từng loại công nghệ để thúc đẩy đổi mới và bảo vệ ngân hàng cũng như khách hàng trước rủi ro tài sản bị mắc kẹt khi tiêu chuẩn khí hậu thắt chặt.

NGUYÊN TẮC 03

Không gây hại đáng kể (Do No Significant Harm - DNSH): Mọi hoạt động được tài trợ không được gây tác động tiêu cực nghiêm trọng đến các mục tiêu môi trường và xã hội khác. Nguyên tắc này yêu cầu tuân thủ các tiêu chuẩn bảo vệ xã hội tối thiểu (bao gồm quyền lao động, an toàn sức khỏe và tác động cộng đồng), đồng thời tích hợp các nguyên tắc chuyển đổi công bằng nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến việc làm và hỗ trợ đào tạo lại cho người lao động.

¹ Kịch bản IEA NZE 2050 (Net Zero Emissions by 2050): Là lộ trình do Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) thiết lập nhằm đạt mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Đây là kịch bản mang tính quy chuẩn nhất, vạch ra các mốc thời gian cụ thể cho việc chuyển dịch cơ cấu năng lượng, cắt giảm mạnh mẽ nhiên liệu hóa thạch và tăng cường năng lượng tái tạo, nhằm giới hạn mức tăng nhiệt độ toàn cầu ở ngưỡng 1.5°C theo Thỏa thuận Paris.

² Các phân loại “Hố phách” (Amber) của Hệ thống phân loại ASEAN dùng để định danh các hoạt động đang trong quá trình chuyển đổi và chưa đạt ngưỡng “Xanh”, nhưng đang thực hiện một lộ trình khử carbon thực chất và phải tuân thủ các mốc thời gian hết hạn (sunset) đã được xác định.

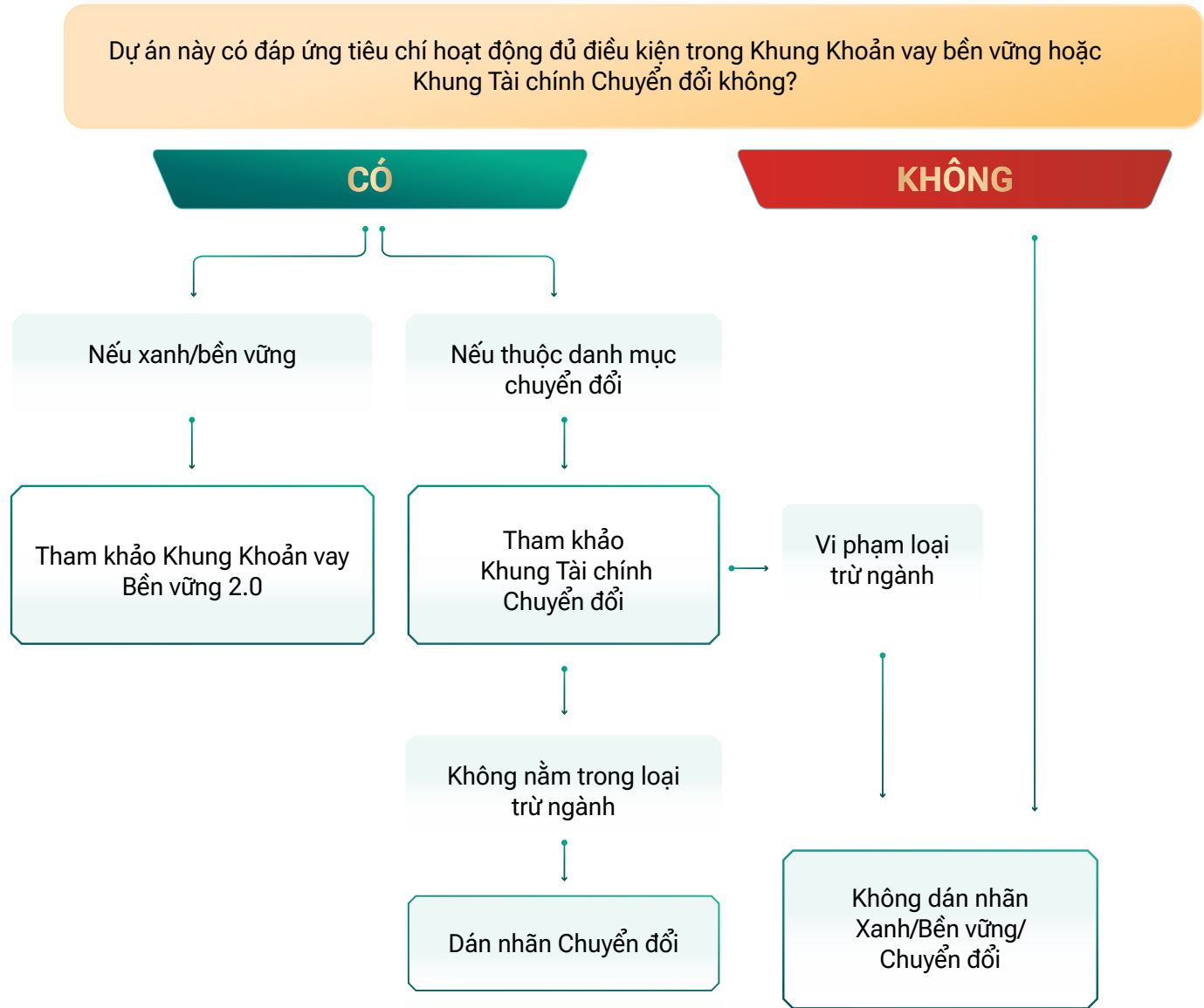
³ Sáng kiến Lộ trình Chuyển đổi “Dưới 2°C” (TPI “Below 2 Degrees”) chuyển hóa các mục tiêu của Thỏa thuận Paris thành các tiêu chuẩn định lượng về hiệu quả carbon ở cấp độ tài sản, nhất quán với việc giới hạn mức tăng nhiệt độ toàn cầu ở ngưỡng dưới 2°C.



3. Quy trình Quyết định

Nhằm đảm bảo tính khoa học và toàn vẹn trong việc dán nhãn, BIDV thiết lập quy trình thẩm định dự án/tài sản dựa trên sơ đồ cây quyết định.

MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỐN



4. Mục đích sử dụng vốn

Để đủ điều kiện được phân loại là Tài chính chuyển đổi, dòng vốn tài trợ cung cấp qua các sản phẩm vay hoặc nguồn vốn phân bổ từ các công cụ nợ phát hành theo Khung này phải được sử dụng để tài trợ hoặc tái tài trợ, toàn bộ hoặc một phần, cho các dự án/tài sản hợp lệ.

Danh mục các hoạt động chuyển đổi đủ điều kiện được trình bày chi tiết trong bảng dưới đây:

TIỂU NGÀNH	HOẠT ĐỘNG CHUYỂN ĐỔI ĐỦ ĐIỀU KIỆN	LOẠI TRỪ
I. Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí		
Nhiệt điện than	1. Nhiệt điện than (Cải tạo) - Loại bỏ dần có kiểm soát: Các hoạt động nhằm mục đích đóng cửa sớm các nhà máy nhiệt điện than hiện hữu; - Đốt phối trộn (Co-firing): Thực hiện đốt kèm sinh khối, amoniac hoặc hydro tại các nhà máy nhiệt điện hiện có theo quy định của quốc gia để giảm cường độ phát thải; - Ứng dụng công nghệ thu giữ, sử dụng và lưu trữ carbon (Carbon capture, utilisation and storage - CCUS). 2. Nhiệt điện than (Chuyển đổi nhiên liệu) Chuyển đổi từ nhiệt điện than sang điện khí (LNG/ CNG) với khả năng tiếp nhận nhiên liệu hydro trong tương lai.	1. Nhiệt điện than (Cải tạo) - Xây dựng mới các nhà máy nhiệt điện than không có công nghệ CCUS; - Khai thác than hoặc các hoạt động hạ tầng chuỗi cung ứng liên quan trực tiếp đến than. 2. Nhiệt điện than (Chuyển đổi nhiên liệu) - Sản xuất điện sử dụng khí có nguồn gốc từ than (trừ khi áp dụng công nghệ CCUS đạt chuẩn); - Các dự án thiếu lộ trình giảm dần cường độ phát thải phù hợp với quỹ đạo đạt phát thải ròng bằng 0 (Net Zero).
Sản xuất điện (không đạt chuẩn Xanh thuần túy)	Sản xuất điện từ thủy điện, năng lượng sinh học và địa nhiệt không đáp ứng các tiêu chí sàng lọc kỹ thuật “Xanh” nhưng vẫn nằm trong lộ trình chuyển đổi được công nhận.	
Điện khí hóa thạch (Nhà máy mới)	Sản xuất điện từ khí hóa thạch.	- Sản xuất điện sử dụng khí có nguồn gốc từ than (trừ khi áp dụng công nghệ CCUS đạt chuẩn); - Các dự án thiếu lộ trình giảm dần cường độ phát thải phù hợp với quỹ đạo đạt phát thải ròng bằng 0 (Net Zero).

Điện khí hóa thạch (Vận hành và hạ tầng)	- Quản lý khí methane: Thu giữ methane hoặc giảm thiểu đốt bỏ khí đồng hành (flaring) trong các hoạt động nhiên liệu hóa thạch thượng nguồn và hạ nguồn; - Loại bỏ đốt bỏ khí : Loại bỏ hoàn toàn việc đốt bỏ khí đồng hành trong các hoạt động nhiên liệu hóa thạch thượng nguồn và hạ nguồn; - Hiệu suất vận hành: Điện khí hóa và cải tạo hiệu suất năng lượng cho các hoạt động nhiên liệu hóa thạch thượng nguồn và hạ nguồn; - Trung nguồn & Hạ nguồn: Các hoạt động khí đốt trung nguồn và hạ nguồn đi kèm với các tiêu chí sàng lọc phù hợp.	
Sản xuất nhiên liệu chuyển đổi hoặc nhiên liệu phát thải thấp	- Hạ tầng nhiên liệu sinh học: Hạ tầng hỗ trợ sản xuất, sử dụng và phân phối các loại nhiên liệu carbon thấp (ví dụ: nhiên liệu sinh học - biofuels, khí metan sinh học - biomethane) nhằm phối trộn hoặc thay thế nhiên liệu hóa thạch dùng làm nguồn năng lượng hoặc nguyên liệu đầu vào; - Các loại khí carbon thấp tiên tiến: Nâng cấp hạ tầng phục vụ sản xuất và phân phối các khí carbon thấp, chẳng hạn như hydro xanh lam (blue hydrogen) và khí tổng hợp (amoniac, chất mang hydro hữu cơ lỏng - LOHC). Tài trợ các thiết bị và linh kiện để sản xuất hydro carbon thấp (ví dụ: máy điện phân, màng lọc); - Quy trình công nghiệp hỗn hợp: Sử dụng năng lượng tái tạo trong các quy trình công nghiệp kết hợp với năng lượng từ hóa thạch (Ví dụ: sử dụng năng lượng tái tạo trong các nhà máy lọc dầu, nhà máy xử lý khí, máy điện phân và máy nén).	- Hydrogen: Loại trừ sản xuất hydro từ khí tự nhiên mà không có các biện pháp giảm thiểu phát thải (sản xuất hydro xám).
II. Ngành Công nghiệp chế biến chế tạo		
Sắt và Thép	Các biện pháp khử carbon cho các cơ sở Sắt và Thép nhằm: - Giảm phát thải: Sử dụng Sắt hoàn nguyên trực tiếp ⁴ (Direct Reduced Iron - DRI), hydro hoặc hoàn nguyên nấu chảy, Lò hồ quang điện (Electric Arc Furnace - EAF), và công nghệ Thu giữ, Sử dụng và Lưu trữ Carbon (CCUS); - Kinh tế tuần hoàn: Cho phép cơ sở tăng tỷ lệ sản xuất dựa trên thép phế liệu; - Tích hợp năng lượng tái tạo (NLTT): Cho phép cơ sở EAF tăng tỷ lệ sử dụng NLTT; - Điện khí hóa: Điện khí hóa các thiết bị phụ trợ hoặc lò nung nhiệt; - Chuyển đổi/Đốt kèm nhiên liệu: Chuyển đổi từ than sang khí, hydro hoặc bất kỳ nhiên liệu thay thế carbon thấp nào.	- Xây dựng các cơ sở phát thải cao mới mà không có công nghệ Thu giữ, Sử dụng và Lưu trữ Carbon (CCUS); - Các dự án cải tạo (retrofit) có nguy cơ gây ra “khóa chặt carbon” (carbon lock-in) – nghĩa là kéo dài tuổi thọ của các tài sản phát thải cao mà không có lộ trình khử carbon rõ ràng.

Xi măng	Các biện pháp khử carbon cho cơ sở xi măng, bao gồm: - Vật liệu bổ sung: Sử dụng các nguyên liệu thay thế (SCMs) như đá vôi, đất sét nung, tro bay, xỉ lò cao nghiền mịn (GGBS) để giảm tỷ lệ clinker trong xi măng; - Điện khí hóa: Chuyển đổi từ nhiên liệu hóa thạch sang sản xuất xi măng bằng điện hoặc sử dụng các thiết bị phụ trợ chạy điện; các lò nung xi măng điện; - Sử dụng hoặc chuyển đổi sang nhiên liệu thay thế: Chuyển đổi từ than sang khí tự nhiên; hoặc từ khí tự nhiên sang nhiên liệu từ rác thải (Refuse Derived Fuels - RDFs) hoặc nhiên liệu sinh khối; - Sử dụng Hydro xanh lam: Xây mới hoặc cải tạo cơ sở để sử dụng hydro làm nhiên liệu; - Các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng nhiệt và năng lượng: Đầu tư vào các công nghệ giúp cải thiện đáng kể hiệu quả sử dụng năng lượng so với các hệ thống hiện tại; + Hệ thống thu hồi nhiệt dư (Waste Heat Recovery - WHR); + Lắp đặt, nâng cấp và vận hành các buồng phân hủy/tháp trao đổi nhiệt; + Lắp đặt, nâng cấp và vận hành các thiết bị hoặc cơ sở hạ tầng điều khiển số hóa như: các cảm biến và công cụ đo lường, thiết bị/hệ thống truyền thông và điều khiển (bao gồm các phần mềm tiên tiến và phòng điều khiển trung tâm nhằm cải thiện hiệu quả và tự động hóa các quy trình của nhà máy); + Lắp đặt, nâng cấp và vận hành các thiết bị kiểm thử như hệ thống XRD⁵. - Thu hồi tài nguyên: Thu hồi và tái chế hiệu quả chất thải và các nguyên liệu thứ cấp để thay thế cho nguyên liệu nguyên sinh trong sản xuất; - Chuyển đổi hạ tầng: Thay đổi mục đích sử dụng và/hoặc dỡ bỏ các hạ tầng sử dụng nhiên liệu hóa thạch; - Năng lượng hỗn hợp (Hybrid Energy): Sử dụng năng lượng tái tạo trong các quy trình công nghiệp kết hợp với năng lượng hóa thạch hiện có.	- Xây dựng cơ sở phát thải cao mới mà không có CCUS; - Các dự án cải tạo gây rủi ro “khóa chặt carbon” kéo dài tuổi thọ của các tài sản phát thải cao mà không có lộ trình khử carbon rõ ràng.
----------------	---	---

5 Hệ thống nhiều xạ tia X dùng để phân tích thành phần khoáng vật trong clinker và xi măng



Hóa chất và phân bón	- Hạ tầng nhiên liệu tổng hợp: Đầu tư hạ tầng sản xuất, sử dụng và phân phối nhiên liệu tổng hợp bằng công nghệ mới như CCUS, nhiệt phân methane, khí hóa sinh khối, và điện phân nước sử dụng NLTT; - Hydro xanh lam: Sử dụng hydro xanh lam để sản xuất các dẫn xuất và nhiên liệu tổng hợp (như amoniac, chất mang hydro hữu cơ lỏng - liquid organic hydrogen carriers - LOHC); - Thay thế nguyên liệu đầu vào: Thay thế hoặc pha trộn các nguyên liệu hóa thạch nguyên sinh bằng nguyên liệu đầu vào carbon thấp, nguồn gốc sinh học hoặc chất thải tái chế (ví dụ: bioethanol, olefin tái chế) trong sản xuất hóa chất và polyme; - Năng lượng tái tạo: Sử dụng năng lượng tái tạo kết hợp với năng lượng hóa thạch hiện có trong các đơn vị sản xuất hóa chất; - Điện khí hóa & Hiệu suất nhiệt: Điện khí hóa các thiết bị công nghiệp và cải tạo nâng cao hiệu suất năng lượng, bao gồm việc lắp đặt: lò sưởi điện trở, lò điện, bơm nhiệt công nghiệp, hoặc các công nghệ chuyên dụng như thiết bị gia nhiệt bằng vi sóng, hồng ngoại và plasma.	
Dệt may và Da giày	- Sử dụng tài nguyên hiệu quả: Xây dựng hoặc cải tạo các cơ sở hỗ trợ việc phân tách các thành phần có thể tái chế từ dòng chất thải, từ đó thay thế việc sử dụng nguyên liệu thô sơ chế trong quy trình sản xuất; - Hiệu quả sử dụng năng lượng: Mở rộng các nỗ lực nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng xuyên suốt các quy trình sản xuất; - Điện khí hóa/Chuyển đổi nhiên liệu: Sử dụng các kỹ thuật thay thế cho phương pháp đốt dựa trên nhiên liệu hóa thạch truyền thống nhằm: (i) điện khí hóa các quy trình nhiệt hoặc (ii) chuyển đổi sang các loại nhiên liệu có hàm lượng carbon thấp hơn; - Sử dụng năng lượng sạch: Gia tăng tỷ trọng năng lượng tái tạo được sử dụng trực tiếp tại các đơn vị sản xuất; -Phát triển và mở rộng quy mô các vật liệu và hoạt động mang tính bền vững: Ví dụ như sử dụng polyester tái chế và áp dụng các phương pháp canh tác bảo tồn đối với cây bông⁶; - Phát triển các vật liệu đổi mới sáng tạo hoặc thể hệ mới: Ví dụ như công nghệ tái chế dệt may, các vật liệu có nguồn gốc sinh học hoặc da có nguồn gốc thực vật⁷.	

6 <https://apparelimpact.org/wp-content/uploads/2024/03/roadmap-net-zero-delivering-science-based-targets-apparel-sector.pdf>

7 <https://apparelimpact.org/wp-content/uploads/2024/03/roadmap-net-zero-delivering-science-based-targets-apparel-sector.pdf>



Thực phẩm và Đồ uống (F&B)	- Hiệu quả chuỗi cung ứng: Lắp đặt hoặc cải tạo cơ sở hạ tầng chế biến và chuỗi cung ứng lạnh tiết kiệm năng lượng nhằm hỗ trợ chuỗi cung ứng nông nghiệp, giúp giảm thiểu thất thoát và lãng phí thực phẩm; - Tích hợp năng lượng: Sử dụng năng lượng tái tạo trong các quy trình công nghiệp kết hợp với năng lượng hóa thạch; - Bao bì bền vững: Nghiên cứu và sử dụng các vật liệu làm bao bì ít carbon, vật liệu đổi mới, hoặc các giải pháp thay thế; - Hiệu quả sử dụng năng lượng: Cải tạo hoặc lắp đặt máy móc, thiết bị mới để nâng cao hiệu suất hoặc giảm cường độ năng lượng của đơn vị sản xuất; - Chuyển đổi môi chất lạnh: Chuyển sang sử dụng các môi chất lạnh bền vững có chỉ số tiềm năng làm nóng lên toàn cầu (Global Warming Potential - GWP) dưới 150 trong các thiết bị làm lạnh; - Điện khí hóa nhiệt trong quy trình: Thực hiện các biện pháp khử carbon trong các công đoạn sử dụng nhiệt thông qua giải pháp điện khí hóa; - Thu hồi và tái chế: Đầu tư vào các cơ sở thu hồi chất thải và tái chế sản phẩm cuối vòng đời.	
Chế biến Gỗ và Giấy	- Hiệu quả sử dụng tài nguyên: Đầu tư vào cơ sở hạ tầng hoặc các hoạt động hỗ trợ thu hồi và tái sử dụng nguyên liệu sơ cấp và thứ cấp để thay thế cho nguyên liệu nguyên sinh trong quy trình sản xuất. Ví dụ: sản xuất bột giấy từ các nguồn tái chế thay vì gỗ nguyên sinh; - Áp dụng bơm nhiệt nhiệt độ cao: Sử dụng công nghệ bơm nhiệt hiệu suất cao trong quy trình sản xuất; - Sử dụng nhiên liệu phát thải thấp; - Các nỗ lực hoặc khoản đầu tư hướng tới việc giảm năng lượng cần thiết cho công đoạn sấy⁸, bao gồm: + Sử dụng hơi siêu nhiệt; + Loại bỏ nước không qua bay hơi; + Sản xuất giấy không dùng nước.	- Các hoạt động khai thác gỗ thương mại trong rừng nhiệt đới nguyên sinh hoặc rừng già; - Sản phẩm gỗ không chứng minh được nguồn gốc từ rừng được quản lý bền vững.

8 <https://www.iea.org/energy-system>.

9 AER (Annual Efficiency Ratio - Tỷ suất Hiệu quả Hàng năm): Là chỉ số đo lường cường độ phát thải carbon, được tính bằng cách chia tổng lượng phát thải CO2 hàng năm cho tích số giữa trọng tải toàn phần của tàu (DWT) và tổng quãng đường vận hành.
10 Tàu chở hàng rời: Loại tàu được thiết kế chuyên dụng để vận chuyển các loại hàng hóa rời không đóng gói như ngũ cốc, than đá, quặng và xi măng trong các khoang hàng.

Nhôm	- Giảm phát thải trực tiếp: Triển khai các công nghệ anode cải tiến (ví dụ: Anode trơ) và sử dụng hydro trong quy trình nung để thay thế nhiên liệu hóa thạch; - Cải tạo lò luyện kim: Nâng cấp các lò luyện nhôm hiện hữu để tối ưu hóa hiệu suất; - Hiệu suất nhiệt: Triển khai công nghệ Tái nén hơi cơ học (Mechanical Vapour Recompression - MVR), lắp đặt nồi hơi chạy bằng điện hoặc hydro; - Sử dụng năng lượng sạch: Tăng tỷ trọng năng lượng tái tạo (NLTT) được sử dụng trực tiếp bởi cơ sở điện phân nhôm; - Kinh tế tuần hoàn: Đầu tư vào hạ tầng tái chế nhôm phế liệu để tăng tỷ trọng sản xuất nhôm thứ cấp; - Công nghệ CCUS: Lắp đặt các giải pháp CCUS; - Điện khí hóa: Điện khí hóa các thiết bị phụ trợ hoặc bất kỳ quy trình đốt nào; - Chuyển đổi nhiên liệu/Đốt kèm: Chuyển đổi từ than sang khí sang hydro hoặc bất kỳ loại nhiên liệu thay thế có carbon thấp nào khác.	
III. Ngành Vận tải		
Hàng không (Aviation)	- Làm mới đội bay: Đầu tư vào các thế hệ máy bay mới giúp cải thiện hiệu suất nhiên liệu ít nhất >10% của toàn bộ đội tàu bay; - Nhiên liệu hàng không bền vững (Sustainable Aviation Fuel - SAF): Đầu tư hạ tầng nhằm hỗ trợ sản xuất, sử dụng và phân phối SAF, cùng các hoạt động thúc đẩy việc áp dụng loại nhiên liệu này; - Công nghệ đột phá: Các dự án liên quan đến các công nghệ đột phá về hệ thống động lực (propulsion) và thân vỏ máy bay (airframe) nhằm giảm cường độ carbon; - Nghiên cứu & Phát triển các loại nhiên liệu bay và máy bay dựa trên nền tảng hydro.	- Tài trợ cho các loại máy bay quân sự hoặc máy bay chiến đấu, cũng như các dòng máy bay tư nhân (private jets); - Các dự án thay thế đội bay không chứng minh được mức cải thiện hiệu suất nhiên liệu ít nhất là 10%.
Vận tải Biển	- Làm mới và nâng cấp đội tàu: Nâng cấp các tài sản và hạ tầng vận tải đường thủy hiện hữu để cho phép sử dụng năng lượng điện hybrid và các loại nhiên liệu thay thế carbon thấp (ví dụ: nhiên liệu kép methanol, amoniac, hydro, nhiên liệu sinh học, pin nhiên liệu, v.v.); - Hiệu quả vận hành: Đầu tư vào các công nghệ cho đội tàu hiện hữu mang lại sự cải thiện hiệu quả năng lượng ít nhất 20% (ví dụ: công nghệ hỗ trợ bằng sức gió, cải tiến thiết kế thân tàu và hiệu suất hệ thống động lực); - Tuân thủ chỉ số IMO: Duy trì sự phù hợp của tài sản với các ngưỡng cường độ phát thải AER⁹ và/hoặc đạt xếp hạng của Chỉ số Cường độ Carbon (CII) vận hành hàng năm từ mức “C” trở lên trong suốt vòng đời kinh tế của tài sản.	- Vận chuyển nhiên liệu hóa thạch: Các tàu chuyên dụng để vận chuyển nhiên liệu hóa thạch. Tàu chở dầu thô (Crude Oil Tankers) bị loại trừ trong mọi trường hợp; - Giới hạn trọng tải: Tàu chở LNG hoặc tàu chở hàng rời khô¹⁰ (Dry bulk) sẽ bị loại trừ nếu hơn 25% trọng tải hàng năm phục vụ cho các cơ sở không đạt tiêu chuẩn “Xanh” (sau năm 2030, tiêu chí này sẽ thắt chặt hơn).



5. Quản trị

5.1. Hệ thống Quản trị tại BIDV



BIDV áp dụng hệ thống quản trị tập trung cho các sản phẩm tài chính chuyển đổi theo Khung này nhằm đảm bảo tính nhất quán. Hệ thống này vận hành thông qua sự phân định trách nhiệm rõ ràng giữa các cấp như sau:



- ✿ **Cấp phê duyệt chiến lược (Ban Điều hành):** Là cấp có thẩm quyền cao nhất, chịu trách nhiệm phê duyệt Khung TCCĐ, các bản cập nhật định kỳ và các báo cáo hàng năm. Ban Điều hành đảm bảo rằng các mục tiêu tài chính chuyển đổi của Ngân hàng luôn căn chỉnh chặt chẽ với lộ trình Net Zero 2050 quốc gia.
- ✿ **Cấp kiểm soát kỹ thuật trọng tâm (Bộ phận quản lý khách hàng tại Trụ sở chính):** Là đơn vị thực hiện thẩm định việc đáp ứng các ngưỡng kỹ thuật và nguyên tắc không gây hại đáng kể. Quy trình thẩm định này đảm bảo mọi dự án/tài sản trước khi chính thức được dán nhãn TCCĐ đều dựa trên các kịch bản giảm phát thải thực tế và công nghệ tốt nhất hiện có.
- ✿ **Cấp thực thi và nhận diện (Cán bộ quản lý khách hàng tại Chi nhánh):** Chịu trách nhiệm nhận diện cơ hội tài trợ, rà soát hồ sơ thực địa và trực tiếp thu thập dữ liệu vận hành từ khách hàng. Các đơn vị này phối hợp cùng bộ phận kiểm soát kỹ thuật để đảm bảo tính trung thực và xuyên suốt của dữ liệu đầu vào trong quá trình thẩm định.

5.2. Quy trình Đánh giá và Lựa chọn

Để đảm bảo dòng vốn được phân bổ chính xác, BIDV áp dụng quy trình sàng lọc và thẩm định dựa trên hai cấu phần quản trị then chốt:

5.2.1. Quy trình thẩm định và dán nhãn Dự án/Tài sản hợp lệ

Mọi Dự án/tài sản đề xuất dán nhãn TCCĐ phải trải qua lộ trình thẩm định 05 bước gồm:

BƯỚC 01

Kiểm tra tính tương thích luồng xanh/bền vững: Cán bộ quản lý khách hàng tại Chi nhánh đối chiếu mục đích sử dụng vốn của dự án với Khung Khoản vay bền vững hiện hành. Nếu dự án đủ tiêu chuẩn dán nhãn xanh/bền vững, dự án sẽ được phân loại là dự án xanh/bền vững và được tài trợ theo Khung khoản vay bền vững để tránh việc dán nhãn chồng chéo và đảm bảo ưu tiên cho các dự án xanh thuần túy.

Xác định tính hợp lệ theo danh mục TCCĐ: Nếu không thuộc luồng xanh, Cán bộ QLKH tại Chi nhánh đối chiếu mục đích sử dụng vốn của dự án với Danh mục các hoạt động chuyển đổi đủ điều kiện được quy định tại Khung TCCĐ. Việc xác nhận dự án “thuộc danh mục” là điều kiện bắt buộc trước khi tiến hành thẩm định chi tiết.

BƯỚC 02

BƯỚC 03

Thẩm định ngưỡng kỹ thuật: Bộ phận quản lý khách hàng tại Trụ sở chính thực hiện đánh giá phát thải khí nhà kính (KNK), trên phương diện giá trị tuyệt đối và/hoặc cường độ phát thải, so với các tiêu chí sàng lọc kỹ thuật của phân loại Amber tương ứng thuộc ASEAN Taxonomy và lộ trình ngành liên quan của Sáng kiến Lộ trình Chuyển đổi (TPI) được căn chỉnh theo quỹ đạo dưới 2°C.

Kiểm soát rủi ro và nguyên tắc không gây hại đáng kể: Bộ phận quản lý khách hàng tại Trụ sở chính thực hiện đánh giá rủi ro môi trường và xã hội để đảm bảo tuân thủ nguyên tắc không gây hại đáng kể đối với các mục tiêu bền vững khác. Việc đánh giá rủi ro môi trường được lồng ghép và thực hiện thông qua quy trình đánh giá rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng hiện hành của Ngân hàng.

BƯỚC 04

BƯỚC 05

Phê duyệt và dán nhãn: Sau khi vượt qua kiểm soát kỹ thuật và rủi ro, Dự án/tài sản đủ điều kiện sẽ được trình cấp có thẩm quyền thuộc hoặc được ủy quyền bởi Ban Điều hành phê duyệt để định danh là dự án/tài sản Tài chính chuyển đổi trong hệ thống quản lý của Ngân hàng.

5.2.2. Quản lý danh mục Dự án/tài sản hợp lệ

BIDV thiết lập và duy trì danh mục dự án/tài sản hợp lệ tập trung để làm cơ sở cho việc quản trị vốn và báo cáo tác động. Các nguyên tắc quản trị danh mục bao gồm:

- ✿ **Cơ chế ngày hết hạn:** Tài chính chuyển đổi được xác định là một “giai đoạn bắt kịp” (catch-up period) có thời hạn. Do đó, dự án/tài sản sẽ được gán các ngày hết hạn cụ thể (căn chỉnh theo các hệ thống phân loại được đề cập tại Mục 1, hoặc sớm hơn nếu lộ trình cụ thể theo ngành hoặc quy định quốc gia yêu cầu). Sau thời điểm này, nếu hoạt động không bắt kịp ngưỡng Xanh, dự án/tài sản sẽ bị loại khỏi danh mục hợp lệ của BIDV.
- ✿ **Rà soát và phân loại lại định kỳ:** Định kỳ hàng năm (hoặc khi có thay đổi trọng yếu về công nghệ), BIDV sẽ thực hiện rà soát lại toàn bộ danh mục dự án/tài sản chuyển đổi. Các dự án/tài sản không còn duy trì được hiệu quả giảm phát thải cam kết, không còn đảm bảo nguyên tắc không gây hại đáng kể đối với các mục tiêu bền vững khác hoặc đã chạm mốc ngày hết hạn sẽ bị thu hồi nhãn TCCĐ và điều chỉnh về danh mục dự nợ thông thường.
- ✿ **Ngăn ngừa rủi ro khóa chặt carbon:** Đây là nguyên tắc cốt lõi nhằm đảm bảo dòng vốn không bị khóa vào các công nghệ phát thải cao lâu dài, gây cản trở các giải pháp carbon thấp hơn trong tương lai. BIDV thực thi nguyên tắc này bằng cách ưu tiên tài trợ cho các dự án ứng dụng công nghệ tốt nhất hiện có phù hợp với từng hoạt động, có tính thích ứng cao đối với quá trình khử carbon sâu hơn trong tương lai.



5.3. Quản lý nguồn vốn trái phiếu

Nhằm đảm bảo mọi hoạt động được tài trợ đều dựa trên cơ sở cốt lõi và căn chỉnh với chiến lược chuyển đổi khí hậu tổng thể của BIDV, Ngân hàng thiết lập cơ chế quản lý nguồn vốn đối với Trái phiếu chuyển đổi như sau:



Quản lý và phân bổ số tiền thu được

- ✿ Số tiền thu được từ mỗi đợt phát hành sẽ được quản lý và theo dõi/đánh dấu thông qua hệ thống nội bộ để đảm bảo việc phân bổ chính xác cho các dự án/tài sản hợp lệ. Ban Kinh doanh vốn và Tiền tệ quản lý dữ liệu phân bổ cho các dự án/tài sản chuyển đổi đủ điều kiện, bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin về lĩnh vực dự án, số tiền phân bổ, ngày phân bổ.
- ✿ Việc phân bổ nguồn vốn từ Trái phiếu chuyển đổi đã phát hành cho các dự án/tài sản đủ điều kiện sẽ được thực hiện trong vòng 24 tháng kể từ ngày phát hành. Để làm rõ, việc phân bổ này được xác định theo giá trị phát hành thành công, không bao gồm các khoản lãi/lỗ (nếu phát sinh) từ các đợt phát hành.
- ✿ Nếu dự án/tài sản đủ điều kiện đã được BIDV giải ngân một phần hoặc toàn bộ trước thời điểm phát hành trái phiếu chuyển đổi, BIDV sẽ phân bổ nguồn vốn thu được từ trái phiếu chuyển đổi thông qua hình thức tài trợ mới đối với số tiền chưa giải ngân còn lại hoặc tái tài trợ (một phần hoặc toàn bộ) đối với số tiền đã giải ngân cho dự án/tài sản đó.



Cơ chế nhìn lại

- ✿ Đối với các giao dịch tái tài trợ, BIDV áp dụng thời hạn nhìn lại không quá 36 tháng tính từ thời điểm giải ngân đầu tiên cho dự án/tài sản đến ngày phát hành trái phiếu. Quy định này nhằm đảm bảo dòng vốn trái phiếu chỉ phân bổ cho các tài sản vẫn còn đóng góp thực chất vào lộ trình khử carbon hiện hành.

Quản lý vốn chưa phân bổ

- ✿ Trong thời gian chờ phân bổ, nguồn vốn thu được từ Trái phiếu sẽ tạm thời được giữ dưới dạng tiền mặt hoặc tiền gửi tại các ngân hàng đại lý bao gồm Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc các tổ chức tín dụng khác, hoặc các khoản tương đương tiền. BIDV cam kết không phân bổ các nguồn vốn này vào bất kỳ hoạt động nào nằm trong Danh mục loại trừ của Khung TCCĐ hoặc các ngành gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.



5.4. Báo cáo và Công bố thông tin

BIDV cam kết duy trì tính minh bạch cao nhất thông qua việc công bố thông tin định kỳ về việc sử dụng nguồn vốn tài chính chuyển đổi và hiệu quả tác động môi trường thực tế của danh mục dự án/tài sản theo Khung TCCĐ.

5.4.1. Các báo cáo và tần suất công bố

Kết quả thực hiện danh mục TCCĐ (bao gồm tổng dư nợ, phân loại theo ngành và tác động giảm phát thải tổng hợp) sẽ được công bố tích hợp trong Báo cáo phát triển bền vững hàng năm hoặc phần công bố thông tin ESG trong Báo cáo thường niên của BIDV hoặc được lập thành báo cáo riêng biệt.

Riêng với các Trái phiếu chuyển đổi đã phát hành, BIDV sẽ công bố báo cáo phân bổ vốn cho các tài sản hợp lệ (i) định kỳ hàng năm dương lịch kể từ ngày phát hành cho đến khi nguồn vốn từ Trái phiếu chuyển đổi đã phát hành được phân bổ hết, hoặc (ii) khi phát sinh các sự kiện được BIDV đánh giá là trọng yếu ảnh hưởng đến việc sử dụng vốn. Căn cứ các thỏa thuận bảo mật mà BIDV ký kết với khách hàng, quyền riêng tư và các yếu tố về cạnh tranh liên quan đến khuôn khổ thông tin được phép công bố của các dự án/tài sản đủ điều kiện, báo cáo phân bổ này có thể được trình bày theo từng dự án/lĩnh vực, phân loại dự án/khu vực địa lý/danh mục dự án tổng hợp, bao gồm những thông tin dưới đây:



- ✿ Số tiền đã phân bổ cho các tài sản hợp lệ;
- ✿ Số lượng dự án/tài sản hợp lệ;
- ✿ Số tiền chưa được phân bổ;
- ✿ Tỷ lệ phân bổ giữa tài trợ mới và tái tài trợ.

Báo cáo phân bổ vốn cho các tài sản hợp lệ sẽ được đánh giá bởi một đơn vị kiểm toán hoặc tổ chức đánh giá bên ngoài hoặc tổ chức có chức năng tương đương.

Căn cứ vào tính đầy đủ và phù hợp của dữ liệu, BIDV có thể tùy chọn việc công bố báo cáo tác động riêng cho từng đợt phát hành, trình bày các kết quả định lượng về lợi ích môi trường thực tế đạt được từ các dự án/tài sản hợp lệ được phân bổ vốn từ trái phiếu chuyển đổi.



5.4.2. Chỉ số đo lường tác động

BIDV áp dụng thống nhất các chỉ số định lượng dựa trên cơ sở khoa học để đánh giá thực chất lợi ích khí hậu của các dự án, tập trung vào các kết quả khử carbon được căn chỉnh với lộ trình dưới 2°C và các tiêu chuẩn định lượng quy định tại Khung này.

Chỉ số Khí hậu (Trọng tâm):

- ✿ Lượng phát thải khí nhà kính tránh được hoặc giảm thiểu thực tế (tCO2e/năm);
- ✿ Cường độ phát thải carbon thực tế (ví dụ: gCO2e/kWh, tCO2/tấn so với các ngưỡng kỹ thuật quy định tại Khung);
- ✿ Công suất lắp đặt năng lượng carbon thấp hoặc hiệu suất năng lượng được cải thiện (tỷ lệ %).



Chỉ số kinh tế - xã hội (nếu phù hợp):

- ✿ Số lượng việc làm được tạo mới hoặc được duy trì trong các ngành bị ảnh hưởng;
- ✿ Số lượng người lao động được đào tạo lại hoặc tái bố trí việc làm liên quan đến các hoạt động chuyển đổi được tài trợ.





6. Đánh giá độc lập

Việc đánh giá đối với Khung TCCĐ sẽ được thực hiện bởi một bên độc lập nhằm xác nhận sự phù hợp của Khung này đối với các nguyên tắc cốt lõi của ICMA và LMA tại thời điểm đánh giá.



7. Cập nhật và duy trì Khung Tài chính chuyển đổi

BIDV thực hiện rà soát Khung TCCĐ định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi có các thay đổi trọng yếu về pháp lý và chính sách quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, hoặc tiến bộ khoa học công nghệ. Mọi bản cập nhật phải được Ban Điều hành phê duyệt và công bố công khai trên website của Ngân hàng.

Các phiên bản cập nhật sẽ có hiệu lực kể từ ngày công bố và không có giá trị hồi tố. Các công cụ tài chính đã phát hành/giải ngân sẽ tiếp tục được quản lý theo phiên bản Khung tại thời điểm giao dịch.

